



HỘI NÔNG DÂN
VIỆT NAM



QUỸ MÔI TRƯỜNG
TOÀN CẦU

SGP The GEF
Small Grants
Programme

CHƯƠNG TRÌNH TÀI TRỢ CÁC DỰ ÁN NHỎ



CHƯƠNG TRÌNH
PHÁT TRIỂN LIÊN
HỢP QUỐC

CẨM NANG

**HƯỚNG DẪN NÂNG CAO NHẬN THỨC VỀ PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG,
KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO, CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP
VÀ VAI TRÒ CỦA HỘI NÔNG DÂN TRONG TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH OCOP**



NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG

Tháng 4 năm 2024



Sách không bán

Chủ trì biên soạn

TS. Nguyễn Khắc Toàn, Ủy viên Ban Thường vụ Trung ương Hội Nông dân Việt Nam, Hiệu trưởng Trường Cán bộ Hội Nông dân Việt Nam.

Bà Nguyễn Thị Thu Huyền, Điều phối viên quốc gia các dự án nhỏ Quỹ môi trường toàn cầu Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP – GEF/SGP).

TS. Nguyễn Hồng Hải, Chánh Văn phòng Trung ương Hội Nông dân Việt Nam, Giám đốc Dự án.

Thành viên tham gia biên soạn

Bà Hoàng Thị Mai Hương

Trưởng phòng Dịch vụ, Tư vấn, Hỗ trợ (TT Hỗ trợ NDNT - T.Ư Hội NDVN), Phó Giám đốc Dự án

ThS. Lê Thị Thu Hương

Trưởng Cán bộ Hội Nông dân Việt Nam

ThS. Nguyễn Thị Huế

Trưởng Cán bộ Hội Nông dân Việt Nam

ThS. Nguyễn Hiền Minh

Trưởng Cán bộ Hội Nông dân Việt Nam

TS. Nguyễn Đăng Hào

Đại học Nông lâm Thái Nguyên

ThS. Tạ Hồng Sơn

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Cẩm nang Hướng dẫn nâng cao nhận thức về phát triển cộng đồng, khởi nghiệp sáng tạo, chuyển đổi số trong sản xuất nông nghiệp và vai trò của Hội Nông dân trong triển khai Chương trình OCOP

NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG

Địa chỉ: Tầng 4 - Khu A - Tòa nhà số 97 Trần Quốc Toản, P. Trần Hưng Đạo, Q. Hoàn Kiếm, TP Hà Nội

Điện thoại: 024 38515380; Fax: 024 38515381

Email: info@nxblaodong.com.vn

Website: www.nxblaodong.com.vn

Chi nhánh phía Nam

Số 85 Cách mạng Tháng Tám, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

ĐT: 028 38390970; Fax: 028 39257205

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc - Tổng biên tập

Mai Thị Thanh Hằng

Biên tập: Phan Thị Ánh Tuyết

Trình bày và Bìa: Thanh Thanh

Sửa bản in: Thanh Lê

Liên kết xuất bản: Ban Quản lý Dự án “Nâng cao nhận thức và năng lực cho cán bộ và hội viên nông dân về khởi nghiệp sáng tạo, chuyển đổi số, tích cực tham gia Chương trình OCOP tại các địa phương”

Địa chỉ: Số 9, phố Tôn Thất Thuyết, P. Mỹ Đình 2, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội

In 5.000 cuốn, khổ 20,5x14,5, tại Công ty TNHH và Thương mại Việt Anh; Địa chỉ: Số 9/167 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội;

Số xác nhận ĐKXB: 1041-2024/CXBIPH/17-78/LĐ; Mã ISBN: 978-604-360-718-5; Số quyết định: Số 347/QĐ-NXBLĐ ngày 5 tháng 4 năm 2024

In xong và nộp lưu chiểu năm 2024

LỜI MỞ ĐẦU

Tài liệu này được thực hiện là một trong những sản phẩm của Dự án “Nâng cao nhận thức và năng lực cho cán bộ, hội viên, nông dân về khởi nghiệp sáng tạo, chuyển đổi số, tích cực tham gia chương trình OCOP tại địa phương” do Trung ương Hội Nông dân Việt Nam chủ trì với sự hỗ trợ của Quỹ môi trường toàn cầu Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP – GEF/SGP). Thông qua Dự án nâng cao nhận thức và hiểu biết của đội ngũ cán bộ Hội và hội viên, nông dân, đặc biệt nông dân trẻ về phát triển cộng đồng, khởi nghiệp sáng tạo, chuyển đổi số trong sản xuất nông nghiệp và vai trò của Hội Nông dân các cấp trong triển khai chương trình OCOP, qua đó góp phần phát triển cộng đồng nông thôn bền vững.

Dưới sự chủ trì của Tiến sĩ Nguyễn Khắc Toàn, ủy viên Ban Thường vụ Trung ương Hội Nông dân Việt Nam, Hiệu trưởng Trường Cán bộ Hội Nông dân Việt Nam, nhóm tác giả đã nghiên cứu các văn bản của Đảng, Nhà nước, các bộ, ngành, tham khảo ý kiến và các bài viết của các nhà quản lý, các chuyên gia, nhà nghiên cứu để biên soạn tài liệu này.

Cuốn tài liệu gồm 4 phần:

Phần 1. Phát triển cộng đồng.

Phần 2. Khởi nghiệp sáng tạo.

Phần 3. Chuyển đổi số.

Phần 4. Triển khai chương trình OCOP.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng trong quá trình biên soạn, song tài liệu này sẽ không tránh khỏi những thiếu sót, rất mong nhận được sự đóng góp quý báu của cán bộ, hội viên nông dân và những người quan tâm để cuốn tài liệu tiếp tục được bổ sung, chỉnh sửa và hoàn thiện hơn cho những lần tái bản sau.

Xin trân trọng giới thiệu tài liệu với các đồng chí và các bạn.

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU

PHẦN 1. PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG

Trang 6

- 1.1. Cộng đồng là gì? 6
- 1.2. Như thế nào là một cộng đồng phát triển? 6
- 1.3 Phát triển cộng đồng 7
- 1.4 Mục tiêu của phát triển cộng đồng ở Việt Nam 7
- 1.5 Các nguyên tắc của phát triển cộng đồng 8
- 1.6. Cần có những giải pháp nào để thúc đẩy phát triển cộng đồng 9
- 1.7. Những yếu tố nào ảnh hưởng đến sự tham gia tích cực của cộng đồng 10
- 1.8. Sự tham gia của người dân... 11
- 1.9. Hỗ trợ nông dân khởi nghiệp... 12

PHẦN 2. KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO

13

- 2.1. Khái niệm. 14
- 2.2. Nông dân khởi nghiệp sáng tạo 16
- 2.3. Kỹ năng cần thiết cho khởi nghiệp 18
- 2.4. Hội NDVN hỗ trợ nông dân khởi nghiệp sáng tạo 20

PHẦN 3. CHUYỂN ĐỔI SỐ

26

- 3.1. Chuyển đổi số là gì? 26
- 3.2. Phân biệt giữa số hóa và chuyển đổi số 27
- 3.3. Vì sao chuyển đổi số là xu thế tất yếu... 28
- 3.4. Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025,... 29
- 3.5. Thế nào là chuyển đổi số trong nông nghiệp? 32
- 3.6. Vì sao phải chuyển đổi số trong nông nghiệp? 33
- 3.7. Chuyển đổi số trong nông nghiệp gồm những lĩnh vực nào 34
- 3.8. Những công nghệ số hiện đại... 35
- 3.9. Chuyển đổi số trong quảng bá, tiêu thụ nông sản. 41
- 3.10. Hội NDVN hỗ trợ nông dân chuyển đổi số 44

PHẦN 4. TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH OCOP

47

- 4.1. Những điều cần biết về Chương trình OCOP 47
- 4.2. Sản phẩm, tiêu chuẩn và phân loại 49
- 4.3. Tiêu chí, trình tự đánh giá sản phẩm OCOP 50
- 4.4. Hội NDVN tham gia thực hiện chương trình OCOP 57

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

AI	Artificial Intelligence - Trí tuệ nhân tạo
CLB	Câu lạc bộ
CMCN	Cách mạng công nghiệp
GPS	Global Positioning System – Hệ thống định vị toàn cầu
GEF/ SGP	Chương trình tài trợ các dự án nhỏ, Quỹ Môi trường toàn cầu
HND	Hội Nông dân
IoT	Internet of things – Internet vạn vật
OCOP	One Commune, One Product - Chương trình Mỗi xã một sản phẩm
PTCĐ	Phát triển cộng đồng
UNDP	United Nations Development Programme – Chương trình phát triển của Liên hợp quốc
QR	Quick response code – Mã phản hồi nhanh

PHẦN 1

PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG

1.1. Cộng đồng là gì?

Cộng đồng là toàn thể những người sống thành một xã hội có điểm giống nhau và gắn kết thành một khối (Từ điển Tiếng Việt).
Ví dụ: Cộng đồng người H'Mông ở Hà Giang; Cộng đồng người Việt ở Úc

1.2. Như thế nào là một cộng đồng phát triển?

- Có cơ sở hạ tầng đầy đủ, đảm bảo chất lượng.
- Đời sống vật chất và tinh thần của người dân được nâng cao.
- Nhân quyền và công bằng xã hội được củng cố.
- Các giá trị văn hóa được bảo tồn và phát huy.





1.3. Phát triển cộng đồng

Phát triển cộng đồng là tiến trình, qua đó, nỗ lực của dân chúng kết hợp với nỗ lực của chính quyền để cải thiện các điều kiện kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội và môi trường của các cộng đồng nhằm hỗ trợ các cộng đồng này hội nhập, đóng góp vào đời sống quốc gia.



1.4. Mục tiêu của phát triển cộng đồng ở Việt Nam

1. Phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của người dân.
2. Nâng cao năng lực của người dân trong tổ chức phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.
3. Xây dựng cơ sở hạ tầng, cải thiện điều kiện sống của người dân về ăn ở, sinh hoạt, đi lại và các dịch vụ ở cộng đồng.
4. Nâng cao trình độ dân trí.
5. Bảo đảm an sinh xã hội; Chăm sóc và bảo vệ sức khỏe.
6. Bảo vệ tài nguyên và môi trường, hạn chế ảnh hưởng của thiên tai.

1.5. Các nguyên tắc của phát triển cộng đồng

1. Phát triển tổng thể.
2. Phát triển bền vững.
3. Phát triển công bằng.
4. Phát huy sự tham gia tối đa của cộng đồng.
5. Tạo dựng, tăng cường sự liên kết và sử dụng hiệu quả kiến thức ngoài cộng đồng.
6. Học tập và làm việc cùng cộng đồng.
7. Tăng cường sự phối hợp giữa các tổ chức, cá nhân trong và ngoài cộng đồng.



Phát huy vai trò chủ thể
và sự tham gia của cư
dân nông thôn.

Tăng cường cơ chế
trao quyền cho chủ thể
tham gia.

Huy động các nguồn lực
phát triển cộng đồng.

**1.6. Cần có
những giải
pháp nào
để thúc
đẩy PTCĐ?**

Tập trung đào tạo, bồi
dưỡng về PTCĐ cho cán
bộ các tổ chức chính trị - xã
hội, nhất là Hội Nông dân,
các hội quần chúng, cán
bộ Đảng, chính quyền, cán
bộ chuyên môn, nghiệp
vụ ở các địa phương.

Xây dựng các mô hình tổ
chức cộng đồng và truyền
thông về các mô hình phát
triển cộng đồng thành
công từ thực tiễn xây dựng
nông thôn mới.



(1) Dân
được biết

(2) Dân
được bàn

(6) Dân sử
dụng thành
quả về PTCĐ
(dân hưởng
thụ)

**1.8. Sự tham
gia của người
dân cần được
thể hiện trên
những khía
cạnh nào?**

(3) Dân được
tham gia
quyết định

(5) Dân kiểm
tra, giám sát

(4) Dân tham
gia tổ chức
thực hiện
(dân làm)

1.9. Hỗ trợ nông dân khởi nghiệp sáng tạo, ứng dụng chuyển đổi số trong sản xuất và phát triển các sản phẩm OCOP có ý nghĩa gì với phát triển cộng đồng?



“

Người nông dân được nâng cao năng lực, tri thức và được truyền cảm hứng để làm giàu, phát triển kinh tế, tạo công ăn việc làm trong cộng đồng. Từ đó góp phần giảm nghèo, phát triển kinh tế, tham gia đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng, cải thiện điều kiện sống, bảo vệ tài nguyên môi trường và ổn định chính trị, xã hội tại cộng đồng.

”

PHẦN 2 KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO



2.1. Khái niệm

Khởi nghiệp

Khởi nghiệp là việc bắt đầu một công việc kinh doanh. Có thể phân chia làm ba loại hình khởi nghiệp khác nhau: khởi nghiệp doanh nghiệp vừa và nhỏ; khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp doanh nghiệp xã hội.

Khởi nghiệp nông nghiệp

Là thuật ngữ chỉ một đơn vị hoặc cá nhân bắt đầu hoạt động, lập nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp.

Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo

Là khởi nghiệp dựa trên cơ sở khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới và có khả năng tăng trưởng nhanh.

Đặc điểm nổi bật của khởi nghiệp đổi mới sáng tạo

Tính đột phá, sáng tạo

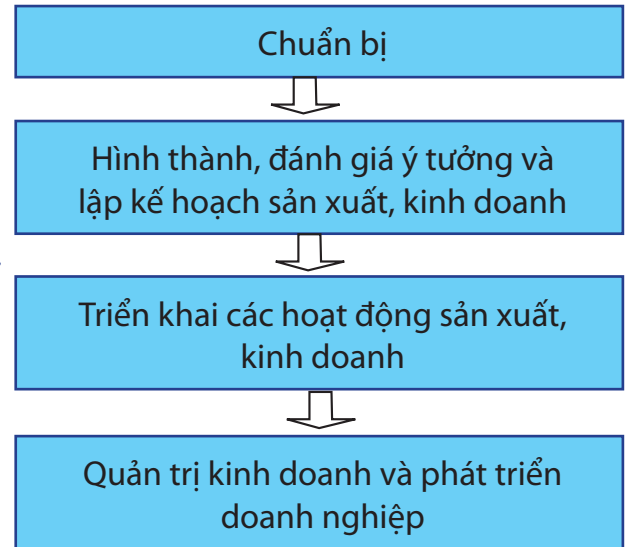
Chủ thể khởi nghiệp phải tạo ra một sản phẩm mới hoặc một hình thức kinh doanh mới hay xây dựng một phân khúc thị trường mới... nghĩa là phải tạo ra sự khác biệt.

Hệ sinh thái khởi nghiệp



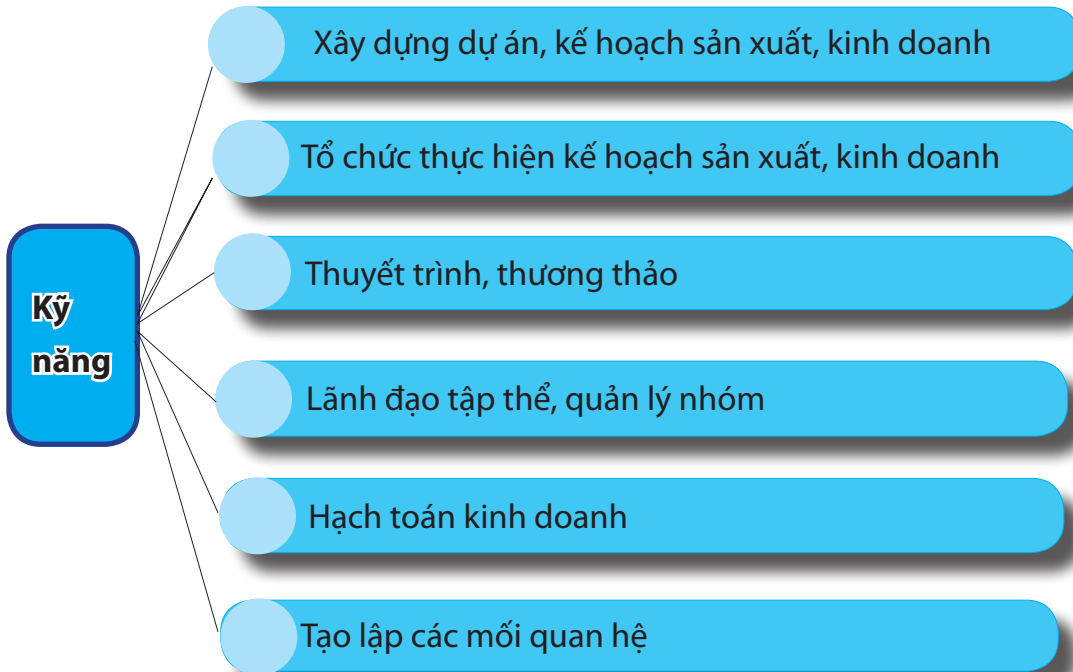
2.2. Nông dân khởi nghiệp sáng tạo

Là việc cá nhân hội viên, nông dân hay tổ chức cơ sở Hội, Chi hội, Tổ hội thực hiện ý tưởng sản xuất, kinh doanh dịch vụ trong nông nghiệp hoặc một số lĩnh vực khác để tạo ra những sản phẩm hàng hóa, dịch vụ mới có giá trị gia tăng đáp ứng nhu cầu thị trường, tạo ra doanh thu, lợi nhuận cho chính bản thân cá nhân, tổ chức, người lao động, góp phần phát triển kinh tế và xã hội.



<p>Chuẩn bị</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá bản thân: Phải có tư duy, kiến thức, kĩ năng, tinh thần, hoài bão và khát vọng thành công. - Chuẩn bị các điều kiện cho bản thân: Nghiên cứu thị trường, tham quan các mô hình sản xuất tiêu biểu để học hỏi... - Chuẩn bị các điều kiện về tài chính: Vốn tự có, vốn hỗ trợ từ các chương trình dự án trong và ngoài Hội... - Ý tưởng sản xuất, kinh doanh: Xuất phát từ thế mạnh của địa phương, kinh nghiệm của bản thân và nhu cầu thị trường. 	<p>Phát triển ý tưởng và lập kế hoạch sản xuất kinh doanh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng kế hoạch sản xuất, kinh doanh. - Xây dựng kế hoạch tài chính: hạch toán kinh doanh, tính giá thành, phương án huy động vốn ... - Tiến hành các thủ tục đăng ký nhãn hiệu, giấy phép kinh doanh....
<p>Triển khai các hoạt động</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lựa chọn lĩnh vực sản xuất, kinh doanh: Cây/con/dịch vụ nông nghiệp hay là mô hình tổng hợp? - Lựa chọn địa điểm sản xuất, kinh doanh. - Lựa chọn đơn vị cung cấp vật tư nông nghiệp/tài sản cần thiết. - Lựa chọn các kênh phân phối sản phẩm. - Huy động lao động, tuyển chọn nhân viên (nếu có). - Tiến hành các thủ tục pháp lý cần thiết (nếu có). 	<p>Quản trị và phát triển hoạt động kinh doanh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tạo ra và duy trì nhóm quản lý sản xuất, kinh doanh. - Huy động, tuyển dụng và duy trì đội ngũ lao động. - Kết nối các mối quan hệ khách hàng, bạn hàng.

2.3. Kỹ năng cần thiết cho khởi nghiệp



Hạch toán doanh thu, chi phí, lợi nhuận

Hạch toán doanh thu

Hạch toán chi phí sản xuất và dịch vụ

Phân tích lợi nhuận

Khi hạch toán cần lưu ý những gì?

Phải tính đúng, tính đủ và dự trù tất cả các chi phí có thể phát sinh trong quá trình sản xuất.

Một số tư liệu sản xuất được tái sản xuất bằng hiện vật. Nhiều cây trồng, vật nuôi được xen ghép trong quá trình sản xuất ...

Người nông dân vừa là người quản lý vừa là người trực tiếp sản xuất, sử dụng lao động gia đình nên việc tính toán chi phí cũng cần tính đến tất cả các yếu tố này.

2.4. Hội Nông dân Việt Nam hỗ trợ nông dân khởi nghiệp sáng tạo

Nội dung hỗ trợ

(1). Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về khởi nghiệp sáng tạo cho cán bộ, hội viên, nông dân

(2). Tăng cường công tác bồi dưỡng, tập huấn kiến thức và kỹ năng khởi nghiệp sáng tạo

(3). Huy động nguồn lực, tổ chức các hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo cho hội viên, nông dân

(4). Thành lập các CLB Nông dân khởi nghiệp, CLB Doanh nhân nông dân, CLB Nông dân tỷ phú...

(5). Tăng cường xây dựng tổ chức Hội "trong sạch, vững mạnh", đẩy mạnh các phong trào nông dân

(1). Đẩy mạnh công tác tuyên truyền

- Tuyên truyền về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về khởi nghiệp sáng tạo.
- Tuyên truyền về tinh thần khởi nghiệp sáng tạo, khát vọng lập nghiệp cho cán bộ, hội viên nông dân.
- Tổ chức các diễn đàn, hội nghị, hội thảo, tọa đàm trao đổi trực tiếp.
- Tổ chức “Ngày Nông dân khởi nghiệp sáng tạo” ở tất cả các cấp Hội.
- Xây dựng các chuyên trang, chuyên mục về khởi nghiệp sáng tạo trên các báo, đài,



bản tin chuyên đề, tài liệu sinh hoạt nội bộ và website của các cấp Hội.

- Khai thác hiệu quả các nguồn thông tin về khởi nghiệp:

+ Trang web của Chính phủ về khởi nghiệp: Quocgiakhoinghiep.vn (Để án hỗ trợ khởi nghiệp của Chính phủ).

+ Khoinghiepquocgia.vn (Bộ GD&ĐT- khởi nghiệp cho học sinh, sinh viên).

+ Các chương trình truyền hình (Quốc gia khởi nghiệp; café khởi nghiệp; CEO chia khoá thành công; ...).





(2). Tăng cường công tác bồi dưỡng tập huấn

- Chủ trì, phối hợp tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng về kiến thức và kỹ năng về khởi nghiệp.
- Tổ chức diễn đàn, đối thoại giữa cán bộ Hội, hội viên nông dân với lãnh đạo các cấp để thúc đẩy việc hoàn thiện cơ chế, chính sách.
- Tổ chức giao lưu giữa các doanh nhân, nông dân tiêu biểu trong khởi nghiệp với cán bộ Hội, hội viên, nông dân nhằm chia sẻ kinh nghiệm, gợi ý các ý tưởng khả thi... Hạn chế rủi ro trong quá trình khởi nghiệp sáng tạo.

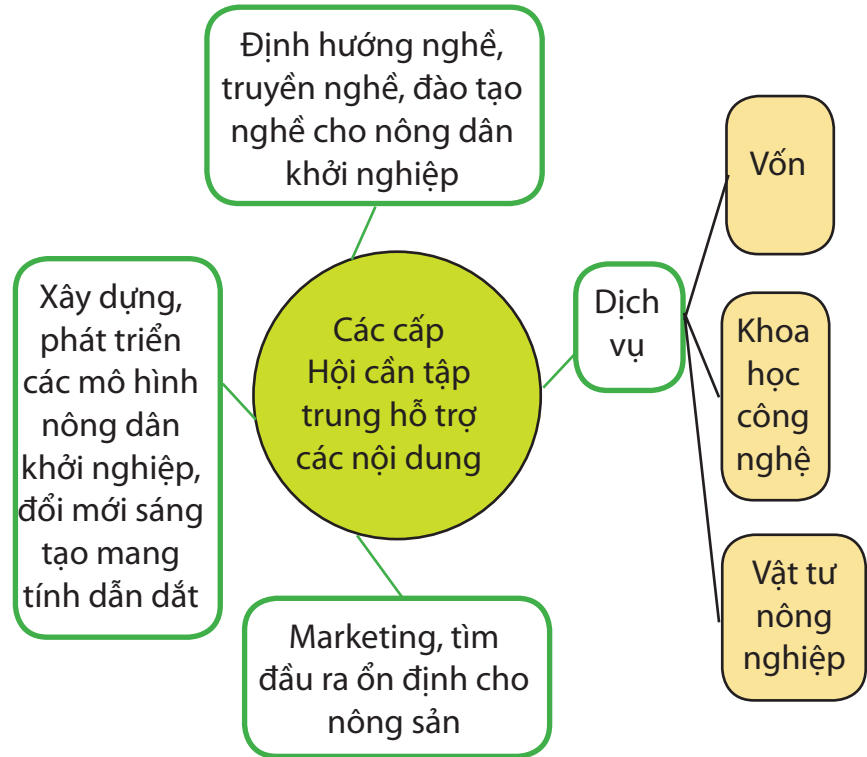
(3). Huy động nguồn lực hỗ trợ

- Định hướng xây dựng “Quỹ hỗ trợ nông dân khởi nghiệp sáng tạo” với quy mô, hình thức phù hợp với hệ sinh thái khởi nghiệp ở từng địa phương.

- Hội Nông dân các cấp chủ trì, phối hợp với các cơ quan, ban ngành, doanh nghiệp... để hỗ trợ các nguồn lực cho khởi nghiệp.

- Vận động, giới thiệu và tổ chức cho các doanh nghiệp CLB, hội viên nông dân tham gia các hoạt động quảng bá sản phẩm, đăng ký nhãn hiệu, thương hiệu, bảo hộ sở hữu trí tuệ...

- Tổ chức các hoạt động hội nghị, hội thảo, diễn đàn để đánh giá và đề xuất các cơ chế, chính sách phù hợp hỗ trợ cho nông dân.





(4). Thành lập các câu lạc bộ, mô hình khởi nghiệp

- Trên nền tảng hệ sinh thái khởi nghiệp các cấp Hội chỉ đạo thành lập và hướng dẫn hoạt động của thành lập và tổ chức các câu lạc bộ, đội nhóm khởi nghiệp tạo sự lan tỏa mạnh mẽ phát triển thành phong trào để đông đảo hội viên nông dân tham gia khởi nghiệp.

- Lựa chọn hội viên nông dân sản xuất kinh doanh giỏi tiêu biểu để vận động và hướng dẫn thành lập các câu lạc bộ “Nông dân khởi nghiệp”, câu lạc bộ “Chủ trang trại 100 tỷ”, câu lạc bộ “Nhà nông sáng tạo”, câu lạc bộ “Nông dân tỷ phú”, câu lạc bộ “Doanh nhân nông thôn”.

- Phát huy vai trò của các cá nhân tiêu biểu, uy tín, nhiệt tình, trách nhiệm trực tiếp làm chủ nhiệm các câu lạc bộ khởi nghiệp.

- Vận động thành lập các “CLB Nhà khoa học của nhà nông”, hoặc “Bác sỹ nông học” để hỗ trợ và giúp đỡ nông dân trong quá trình khởi nghiệp.

- Tổ chức tham quan, học hỏi và trao đổi kinh nghiệm với các mô hình khởi nghiệp sáng tạo, các câu lạc bộ khởi nghiệp sáng tạo.

(5). Tăng cường xây dựng tổ chức hội vững mạnh

- Tuyên truyền, giáo dục, làm chuyển biến nhận thức của cán bộ hội viên nông dân về tư duy kinh tế nông nghiệp và kinh tế nông thôn; sản xuất gắn với thị trường; sản xuất nhỏ chuyển sang sản xuất lớn; từ sản xuất truyền thống, kinh nghiệm sang ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ cao; từ coi trọng năng suất, sản lượng sang chất lượng, giá trị gia tăng và an toàn thực phẩm.

- Xây dựng và phát triển các Chi hội nông dân nghề nghiệp, Tổ hội nông dân nghề nghiệp gắn với xây dựng các tổ hợp tác, hợp tác xã nông nghiệp.

- Các cấp Hội làm tốt vai trò là đầu mối liên kết giữa các nhà khoa học và doanh nghiệp



để hỗ trợ cho hội viên nông dân.

- Thường xuyên tổ chức tốt công tác kiểm tra, sơ kết, tổng kết và biểu dương khen thưởng các tập thể và cá nhân kịp thời.

PHẦN 3

CHUYỂN ĐỔI SỐ

3.1. Chuyển đổi số là gì?

Chuyển đổi số là sự tích hợp các công nghệ kỹ thuật số vào các lĩnh vực của đời sống xã hội hay hàm ý chỉ quá trình thay đổi tổng thể và toàn diện của cá nhân, tổ chức, cộng đồng về cách thức sống, làm việc, sản xuất, kinh doanh dựa trên các công nghệ số.

Ví dụ:

	Cá nhân muốn mua hàng	Cơ quan TW Hội Nông dân VN muốn ban hành một văn bản mới	Cộng đồng muốn giao lưu, kết nối, học tập cùng nhau	Muốn nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của hội viên nông dân
Cách truyền thống	Đi ra chợ, mua hàng và trả tiền mặt	In và gửi công văn qua đường bưu điện hoặc email.	Gặp mặt, tập trung và cùng tham gia trực tiếp	Gặp gỡ, tiếp xúc hoặc gửi văn bản xin ý kiến
Ứng dụng chuyển đổi số	Sử dụng máy tính/điện thoại thông minh truy cập website hoặc app, đặt hàng trực tuyến, thanh toán trực tuyến, hàng được giao tại nhà.	Sử dụng phần mềm i-office gửi văn bản cùng lúc đến tất cả các ban, đơn vị và toàn bộ hệ thống các cấp Hội.	Công dân có máy tính, thiết bị di động hình thành thói quen về giao tiếp trên môi trường mạng, học trực tuyến...	Thông qua App Nông dân Việt Nam, mới ra mắt tại Đại hội toàn quốc HND Việt Nam năm 2023.

3.2. Phân biệt giữa số hóa và chuyển đổi số

Số hóa

- Là việc biến đổi các giá trị thực sang giá trị số, hay chuyển đổi thông tin từ dạng vật lý, analog sang dạng kỹ thuật số. Các thông tin được đưa lên hệ thống máy tính và được xử lý bằng các phần mềm, giúp việc lưu trữ và tìm kiếm dễ dàng.
- Số hóa là một phần của quá trình chuyển đổi số, nhưng số hóa không phải là thay đổi cách thức kinh doanh hoặc tạo ra các loại hình kinh doanh mới cho doanh nghiệp. Đây đơn giản là tiếp tục duy trì phương thức hoạt động truyền thống, nhưng nhanh hơn và tốt hơn.

Chuyển đổi số

- Là sự tích hợp đầy đủ các công nghệ kỹ thuật số vào tất cả các lĩnh vực của một doanh nghiệp, ứng dụng các công nghệ để thay đổi cách thức vận hành, mô hình kinh doanh và đem đến những giá trị mới cho doanh nghiệp.
- Chuyển đổi số dựa trên những ứng dụng công nghệ mới (Big Data), Internet vạn vật (IoT), điện toán đám mây (Cloud)... Để thay đổi phương thức điều hành, lãnh đạo, quy trình thực hiện, văn hóa của doanh nghiệp. Ví dụ: Các doanh nghiệp chuyển đổi từ thanh toán bằng tiền mặt sang hình thức thanh toán không dùng tiền mặt như mobile money, ví điện tử, quét mã QR,... Để có thể thực hiện được việc này, doanh nghiệp cần thực hiện số hóa và số hóa quy trình để đưa thông tin lên hệ thống công nghệ, sau đó sử dụng các tiến bộ như big data, AI để phân tích, kết nối và triển khai các hình thức thanh toán tiện lợi này cho người mua và đơn vị bán hàng.

3.3. Vì sao chuyển đổi số là xu thế tất yếu, khách quan?

Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (CMCN 4.0) trên toàn cầu với những đột phá của các công nghệ số dẫn đến sự thông minh hóa mọi mặt của xã hội. Chuyển đổi số chính là cách đi trong chặng đường phát triển thời CMCN 4.0, và là cơ hội phát triển cho bất kỳ quốc gia nào trong đó có Việt Nam bởi: Chuyển đổi số giúp giải quyết hiệu quả các mối quan hệ giữa Nhà nước, thị trường và xã hội; thực hiện ba đột phá chiến lược về thể chế, hạ tầng và nguồn nhân lực; thúc đẩy tăng trưởng kinh tế; nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh, hiệu quả sản xuất, kinh doanh; hạ giá thành sản phẩm; giảm thủ tục hành chính, phiền hà, thời gian, chi phí cho người dân, doanh nghiệp; giúp chính quyền các cấp nâng cao năng lực quản lý, điều hành hiệu quả.

3.4. Chương trình Chuyển đổi số Quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 gồm những trụ cột nào?

(1) Chính phủ số

(2) Kinh tế số

(3) Xã hội số

(1) Chính phủ số

Là chính phủ điện tử với “4 có”:

- Có toàn bộ hoạt động an toàn trên môi trường số.
- Có khả năng ban hành chính sách, cung cấp dịch vụ nhanh chóng và chất lượng.
- Có khả năng sử dụng nguồn lực tối ưu.
- Có khả năng kiến tạo phát triển, dẫn dắt CDS quốc gia, giải quyết hiệu quả những vấn đề lớn trong phát triển và quản lý kinh tế – xã hội.

Ví dụ lợi ích của chính phủ số cho người dân: Trẻ em khi sinh ra được cấp một mã định danh duy nhất, đến thời gian tiêm chủng theo quy định gia đình sẽ nhận được thông báo đi tiêm phòng cho trẻ từ chính quyền, đến tuổi đi học thì chính quyền dựa trên số liệu dân cư để quyết định phân bổ về cơ sở giáo dục, đến đủ tuổi thì tự động nhận được căn cước công dân, khi có các dịch bệnh bùng phát thì kịp thời nhận được thông tin cảnh báo và chăm sóc y tế...

(2) Kinh tế số

- Kinh tế số là các hoạt động kinh tế có sử dụng thông tin số, tri thức số, công nghệ số, dữ liệu số như là yếu tố sản xuất chính; sử dụng mạng Internet, mạng công nghệ thông tin làm không gian hoạt động chính; sử dụng công nghệ số, nền tảng số để tăng năng suất lao động. Kinh tế số bao gồm tất cả các lĩnh vực của nền kinh tế (công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ; sản xuất, phân phối, lưu thông hàng hóa, giao thông vận tải, logistic, tài chính ngân hàng...) mà công nghệ số được áp dụng.

- Cũng có thể hiểu kinh tế số là nền kinh tế vận hành trên các nền tảng số, mà đặc trưng cơ bản là các giao dịch thương mại điện tử trên mạng internet.

Ví dụ về lợi ích của Kinh tế số đem lại cho người nông dân: Trước đây, nông dân trồng cây ăn quả đến mùa thu hoạch phải mang số quả cây thu hoạch ra chợ bán và nếu không có người mua thì quả cây sẽ hỏng. Tuy nhiên nhờ chuyển đổi số thông qua sàn thương mại điện tử, quảng cáo trực tuyến hoặc qua các ứng dụng mạng xã hội, họ có thể giữ cây ăn quả trên cây và đợi khách đặt mua hàng. Khi nhận được đơn hàng qua mạng, quả cây được hái tươi ngon và chuẩn bị chuyển cho khách hàng. Hệ thống bưu chính, chuyển phát sẽ giao hàng tới tận tay người mua.

(3) Xã hội số

- Theo nghĩa rộng là bao trùm lên mọi hoạt động của con người. Động lực chính của xã hội số là công nghệ số, dựa trên sự tăng trưởng thông tin, dữ liệu một cách nhanh chóng làm thay đổi mọi khía cạnh của tổ chức xã hội, chính phủ, kinh tế cho người dân.

- Theo nghĩa hẹp, gồm công dân số và văn hóa số:

+ Công dân số là khả năng truy cập các nguồn thông tin số, khả năng giao tiếp trong môi trường số, kỹ năng số cơ bản, mua bán hàng hóa trên mạng, chuẩn mực đạo đức trong môi trường số, bảo vệ thể chất và tâm lý trước các ảnh hưởng từ môi trường số, quyền và trách nhiệm trong môi trường số, định danh và xác thực, dữ liệu cá nhân và quyền riêng tư trong môi trường số.

+ Văn hóa số là các quy tắc ứng xử, chuẩn mực đạo đức của con người trong môi trường số.

Ví dụ: Giao tiếp dễ dàng hơn giữa những người không cùng ngôn ngữ khi sử dụng các ứng dụng phiên dịch; học sinh, sinh viên và mọi người dân có thể học, tham dự hội thảo, hội nghị, tập huấn không phải tập trung tất cả ở một nơi mà có thể ở mọi nơi khác, thậm chí là đất nước khác thông qua ứng dụng trực tuyến.

3.5. Thế nào là chuyển đổi số trong nông nghiệp?

Chuyển đổi số trong nông nghiệp là quá trình các hộ sản xuất nông nghiệp, các trang trại, hợp tác xã, các cá nhân và doanh nghiệp thay đổi tổng thể và toàn diện về cách thức tổ chức sản xuất, thu hoạch, bảo quản, chế biến, quảng bá, giới thiệu và tiêu thụ nông sản dựa trên việc áp dụng các công nghệ số như dữ liệu lớn (big Data), Internet cho vạn vật (IoT), điện toán đám mây (Cloud), công nghệ sinh học trong sản xuất, kinh doanh nông nghiệp... làm giảm đáng kể chi phí sản xuất, nâng cao năng suất và chất lượng nông sản, cải tiến mẫu mã đem lại hiệu quả kinh tế cao.



3.6. Vì sao phải chuyển đổi số trong nông nghiệp?

- Bằng tư duy “Bắt kịp, đi cùng, rồi vượt lên”, chúng ta cùng xác định “Phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để Việt Nam bứt phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh” và chuyển đổi số trong nông nghiệp là một trong 8 lĩnh vực được ưu tiên vì Việt Nam là một quốc gia có quy mô nông nghiệp lớn với khu vực nông thôn chiếm hơn 60% dân cư, lao động nông nghiệp còn chiếm hơn 30% lực lượng lao động xã hội.
- Mục tiêu của đất nước đến năm 2025, kinh tế số chiếm 20% GDP, đến năm 2030 kinh tế số chiếm 30% GDP là một chỉ dẫn thúc đẩy quá trình chuyển đổi số.
- Chuyển đổi số trong nông nghiệp sẽ giúp nông dân, trang trại, hợp tác xã, doanh nghiệp nâng cao năng suất, chất lượng, tối ưu hóa hoạt động sản xuất, giảm chi phí, gia tăng lợi nhuận, hiệu quả sản xuất cao hơn; thông tin minh bạch, chính xác, kết nối sản xuất với tiêu thụ, khắc phục tình trạng thiếu thông tin cung – cầu của thị trường; khắc phục điểm yếu của sản xuất nhỏ lẻ, manh mún bằng việc hình thành chuỗi giá trị, liên kết sản xuất.

Trong 6 lĩnh vực trên, các cơ quan, tổ chức, cá nhân cần xây dựng các phần mềm cơ sở dữ liệu, thông tin cơ sở sản xuất, kinh doanh, quy hoạch phát triển ngành hàng, cơ sở chế biến, nhu cầu thị trường, giá cả nông sản, vật tư nông nghiệp, thời tiết, khí hậu, cảnh báo thiên tai...



3.8. Những công nghệ số hiện đại được ứng dụng phổ biến trong chuyển đổi số ngành nông nghiệp

(1). Internet vạn vật (Internet of Things – IoT)

Là sự kết nối của các thiết bị với internet thông qua sử dụng phần mềm và cảm biến để chia sẻ thông tin, thu thập và trao đổi dữ liệu giữa các thiết bị.

Ứng dụng IoT trong nông nghiệp như thế nào?

- Trong trồng trọt, cảm biến sử dụng công nghệ IoT được ứng dụng trong giải pháp truy xuất nguồn gốc, giải pháp tưới tiêu thông minh, thu thập dữ liệu về thổ nhưỡng, khí hậu, nguồn nước...

- Trong chăn nuôi, các thiết bị IoT là các thiết bị đeo cổ cho động vật, giúp theo dõi và chăm sóc gia súc, gia cầm. Thông qua các thiết bị được tích hợp công nghệ định vị GPS ngăn chặn gia súc, gia cầm bị trộm hay đi lạc.



Ví dụ hệ thống tưới tiêu thông minh sử dụng công nghệ IoT



Thiết bị cảm biến
thu thập dữ liệu
về điều kiện thời
tiết



Dữ liệu được
truyền tải đến thiết
bị người dùng theo
thời gian thực
thông qua ứng
dụng/phần mềm
thông minh



Người dùng nhận
được **thông báo**
từ ứng dụng và
thao tác điều
chỉnh hệ thống
tưới nếu cần thiết



Hệ thống tưới
tiêu **tự động làm**
việc theo điều
chỉnh từ phần
mềm/ứng dụng



Cảm biến nhiệt độ không khí



Cảm biến độ ẩm không khí



Cảm biến nhiệt độ đất



Cảm biến độ ẩm đất



Cảm biến PH đất



Cảm biến EC đất



Cảm biến EC nước



Cảm biến PH nước



Cảm biến ánh sáng



Cảm biến CO₂

(2). Dữ liệu lớn – Big Data

Chỉ các tập hợp dữ liệu rất lớn và phức tạp cùng tốc độ tăng trưởng nhanh chóng và không thể thu thập, quản trị, xử lý bằng các công cụ truyền thống mà cần đến sự ứng dụng các hệ thống công nghệ tinh vi nhằm khai thác tối đa và cung cấp các thông tin chuyên sâu cho doanh nghiệp.

Ứng dụng Dữ liệu lớn trong nông nghiệp như thế nào?

- Dựa trên các dữ liệu lịch sử thu thập được về điều kiện sinh trưởng của cây trồng, vật nuôi kết hợp với dự báo thời tiết sẵn có để lên kế hoạch, lịch trình nuôi trồng phù hợp.

- Tận dụng, tổng hợp các dữ liệu lịch sử về bệnh dịch, côn trùng gây hại cho vụ mùa để xây dựng phương án phòng/chống lại các tác nhân gây hại.

- Các dữ liệu về doanh thu và lợi nhuận của các năm trước đây cung cấp cho doanh nghiệp/nhà nông các thông tin chuyên sâu cần thiết để tập trung sản xuất các sản phẩm mang lại lợi nhuận cao.

(3). Trí tuệ nhân tạo (AI)

Công nghệ AI được hiểu khi một loại máy tính hay máy móc thông minh sử dụng các thuật toán và mô hình để làm việc như một con người với ba yếu tố cốt lõi khác biệt của Trí tuệ nhân tạo là tốc độ tính toán cao, kho dữ liệu dồi dào và chất lượng và các thuật

toán nâng cao. Trên cơ sở xác suất AI có thể dự báo về kết quả và đưa hành động tốt nhất dựa trên kết quả đó.

Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong nông nghiệp như thế nào?

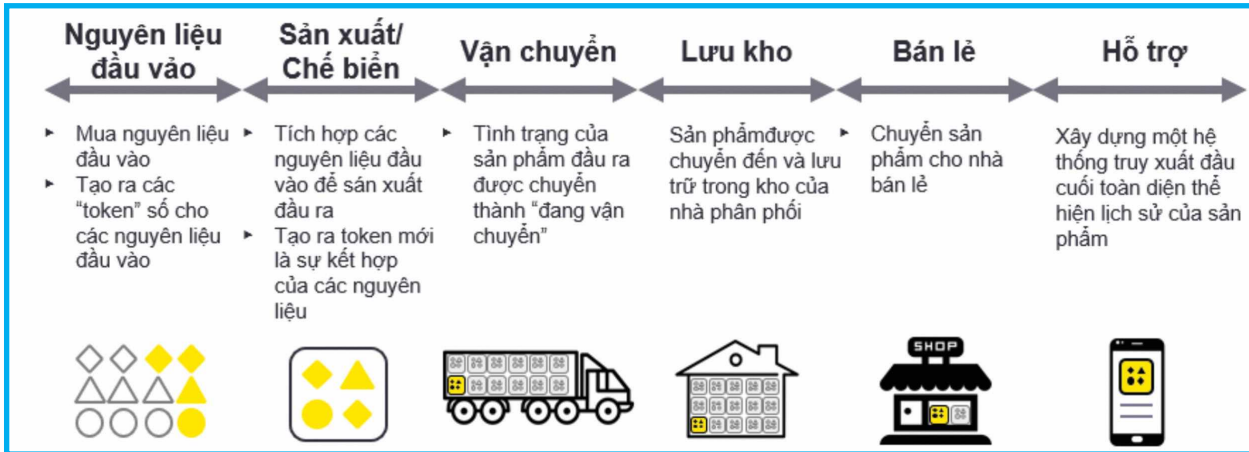
- Các loại máy móc tự động hóa có thể điều chỉnh nhiệt độ, độ ẩm không khí, thời gian làm lạnh sản phẩm... một cách linh hoạt dựa trên điều kiện thực tế. Các máy móc sử dụng công nghệ AI có khả năng thu thập dữ liệu sau mỗi chu kỳ hoạt động và cải thiện mức độ chính xác của hoạt động trong các chu kỳ hoạt động tiếp theo.

- Các loại máy móc, robot tự động được sử dụng để thực hiện các nhiệm vụ trong sản xuất như canh tác đất, gieo trồng hạt giống, phun thuốc trừ sâu, cày cấy...



(4). Chuỗi khối – Block chain

Công nghệ chuỗi khối là một cơ sở dữ liệu tiên tiến cho phép chia sẻ thông tin minh bạch trong một mạng lưới kinh doanh. Cơ sở dữ liệu chuỗi khối lưu trữ dữ liệu trong các khối được liên kết với nhau trong một chuỗi. Mỗi khối thông tin đều chứa thông tin về thời gian khởi tạo và được liên kết tới khối trước đó, kèm một mã thời gian và dữ liệu giao dịch. Chuỗi khối được thiết kế để chống lại sự thay đổi của dữ liệu. Một khi dữ liệu đã được mạng lưới chấp nhận thì sẽ không có cách nào thay đổi được nó.



Ứng dụng chuỗi khối như thế nào trong nông nghiệp?

- Giúp truy xuất nguồn gốc xuyên suốt chuỗi giá trị nông nghiệp. Với sự hỗ trợ của chuỗi khối, các doanh nghiệp và nhà sản xuất có thể duy trì một kho dữ liệu tập trung hóa, với tính đầy đủ và chính xác cao để cung cấp cho người tiêu dùng.

- Là công cụ tài chính cho người nông dân/doanh nghiệp khi có thể thực hiện các hợp đồng thông minh, thanh toán điện tử nhanh gọn, v.v. Các công cụ thanh toán này giúp đơn giản hóa mô hình phân phối sản phẩm, tiết kiệm thời gian xử lý giao dịch mua bán và xa hơn là cầu nối trực tiếp để kết nối đơn vị sản xuất với người tiêu dùng mà không cần thông qua các khâu phân phối hay bán lẻ.



3.9. Chuyển đổi số trong quảng bá và tiêu thụ nông sản, đặc biệt là các sản phẩm OCOP

Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quảng bá và tiêu thụ nông sản đã mở ra nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp, hộ gia đình, cá nhân kinh doanh ở Việt Nam bán hàng dễ dàng thậm chí là xuyên biên giới. Xu hướng chuyển đổi từ kinh doanh truyền thống sang các nền tảng số đang ngày càng trở nên phổ biến và được coi là giải pháp hữu hiệu giúp xây dựng thương hiệu, quảng bá, giới thiệu và mở rộng thị trường cho các sản phẩm nông nghiệp, đặc biệt là các sản phẩm OCOP trong bối cảnh Việt Nam đang ngày càng hội nhập sâu rộng với nền kinh tế thế giới.

Hình thức phổ biến ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quảng bá và tiêu thụ nông sản hiện nay là gì?

(1). Sàn thương mại điện tử

- Sàn thương mại điện tử là một không gian mạng được mở ra nhằm mục đích bày bán những sản phẩm theo nhu cầu mua sắm của người tiêu dùng. Đây là một

trang website, nơi diễn ra vô số các hoạt động giao dịch trực tuyến giữa người bán và người mua. Các bên cùng truy cập với những vai trò và mục đích khác nhau.

- Các doanh nghiệp, hợp tác xã mở gian hàng trên sàn thương mại điện tử để tiếp cận người mua và thúc đẩy các hoạt động tiêu thụ sản phẩm OCOP. Người tiêu dùng truy cập sàn thương mại nhằm tìm kiếm những mặt hàng nông sản phù hợp với nhu cầu sử dụng của mình.

Ví dụ: Postmart.vn, Shopee, Lazada, Sendo, Tiki, Tiktok shop (Việt Nam); Amazon, Alibaba, ebay, Walmart (thế giới)...

PHIÊN CHỢ NÔNG SẢN VIỆT

MIỄN PHÍ VẬN CHUYỂN 21.06 - 29.06 SENDO NGAY

Loại hàng	Đơn vị	Giá
Mận Sơn La	kg	16K
Bơ 034 Daklak	kg	17K
Vải Bắc Giang	kg	16K
Khoai Lang Tim Vĩnh Long	kg	5K
Vải Hải Dương	kg	18K

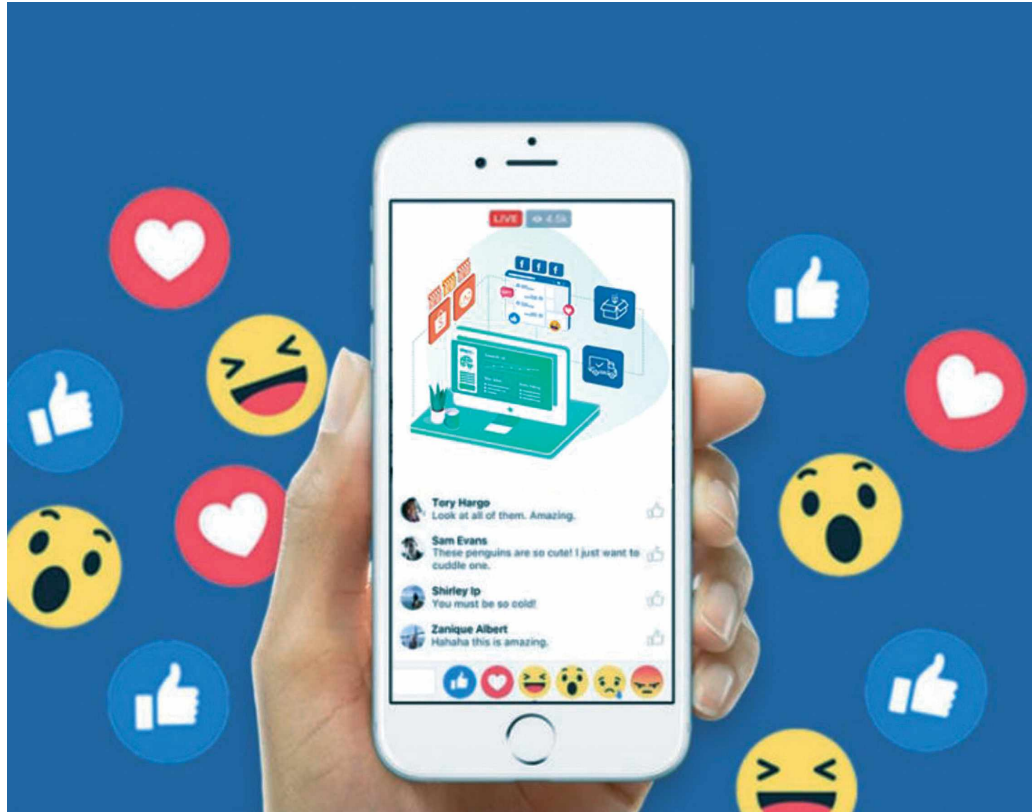
Logo: Bộ Công Thương, IDEA, Sendo, adpia

MỘT SỐ SÀN THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ LỚN TẠI VIỆT NAM

Logo: Sendo.vn, thegioididong, Shopee, Lazada, TIKI.VN, Sendo.vn, TIKI.VN, Zalo, Google, YouTube, Alibaba.com, Lazada, adayroi.com, facebook, AliExpress, amazon

(2). Sử dụng mạng xã hội

Là phương pháp bán hàng dựa trên hình thức xây dựng mối quan hệ cá nhân/thương hiệu doanh nghiệp trên mạng xã hội với khách hàng tiềm năng trước khi giới thiệu sản phẩm. Hình thức mua bán trong cộng đồng này đã trở thành một xu hướng kinh doanh mới hấp dẫn, mang lại lợi ích rõ ràng cho các doanh nghiệp lẫn đồng đảo cá nhân.



3.10. Hội Nông dân Việt Nam hỗ trợ nông dân chuyển đổi số trong sản xuất, kinh doanh nông nghiệp

(1) Truyền thông nâng cao nhận thức của nông dân và xã hội về chuyển đổi số

- Xây dựng và kết nối các chuyên trang về chuyển đổi số, kinh tế số trên cổng thông tin và fanpage của các cấp Hội Nông dân Việt Nam; phối hợp xây dựng ứng dụng trên di động (app Store, Google play) về hỗ trợ chuyển đổi số cho nông dân.
- Tổ chức các diễn đàn, hội nghị, hội thảo, tọa đàm trao đổi trực tiếp, trực tuyến để giúp cán bộ Hội và hội viên nông dân hiểu, vận dụng và hình thành các ý tưởng, dự án về chuyển đổi số trong sản xuất, kinh doanh nông nghiệp.
- Biên soạn cẩm nang về chuyển đổi số; phát hành các bản tin định kỳ về chuyển đổi số, video tuyên truyền về các nội dung chuyển đổi số.
- HND các tỉnh, thành phố chú trọng cung cấp tài liệu sinh hoạt tại các Chi hội, chi hội nông dân nghề nghiệp, tổ hội nông dân nghề nghiệp và các website, group zalo...
- Tổ chức cuộc thi sáng tạo, ý tưởng sáng tạo về chuyển đổi số trong nông nghiệp. Tổ chức tuyên dương, khen thưởng những mô hình, cá nhân nông dân tiêu biểu toàn quốc thực hiện tốt việc chuyển đổi số trong nông nghiệp.



(2) Nâng cao kiến thức về chuyển đổi số, phát triển kinh tế số trong nông nghiệp cho nông dân

- Phối hợp với các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp tổ chức các khóa tập huấn cung cấp kiến thức, mô hình về chuyển đổi số trong nông nghiệp tới các chủ doanh nghiệp, trang trại, thành viên hợp tác xã, tổ hợp tác...

- Xây dựng chương trình, giáo trình đào tạo, các bài giảng trực tuyến về chuyển đổi nông dân số.

- Xây dựng và phát triển mạng lưới chuyên gia tư vấn về chuyển đổi công nghệ số, phát triển kinh tế số, nông dân số.

- Hội Nông dân các cấp tham gia phối hợp với ngành Nông nghiệp và PTNT trong quá trình xây dựng hệ thống dữ liệu lớn (Bigdata) về nông nghiệp, xây dựng bản đồ số nông nghiệp.

(3) Xây dựng, chuyển giao các mô hình hỗ trợ nông dân chuyển đổi số

- Phát triển Quỹ hỗ trợ nông dân với việc điều chỉnh quy mô, hình thức phù hợp hỗ trợ các mô hình, dự án, hoạt động chuyển đổi số trong nông nghiệp.

- Phối hợp với các doanh nghiệp, tổ chức triển khai các mô hình hỗ trợ nông dân chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ số trong tự động hóa sản xuất, kết nối thị trường và tiêu thụ sản phẩm, mua bán vật tư nông nghiệp.

- Tổ chức tập huấn nâng cao kiến thức, kỹ năng về chuyển đổi số trong nông nghiệp cho cán bộ Hội Nông dân các cấp.



Lãnh đạo Hội Nông dân Việt Nam ra mắt App Nông dân Việt Nam nhằm hỗ trợ nông dân chuyển đổi số.

PHẦN 4

TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH OCOP

4.1. Những điều cần biết về Chương trình OCOP

Năm 2012, Chương trình OCOP (Mỗi xã, phường Một sản phẩm) Quảng Ninh đã được khởi xướng và chính thức triển khai từ năm 2013. So với Đề án Mỗi làng một nghề, Chương trình OCOP Quảng Ninh có sự khác biệt quan trọng là: Lần đầu tiên được triển khai theo cách có hệ thống, với sự tham gia của cả hệ thống chính trị, lấy trọng tâm là Chu trình OCOP thường niên; trung tâm là sản phẩm, không chỉ giới hạn ở thủ công mỹ nghệ mà được mở rộng thành 5 ngành hàng sản phẩm và dịch vụ.

Ngày 7/5/2018, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 490/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2018 – 2020;

Ngày 01/8/2022, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 919/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2021 -2025;

Ngày 24/02/2023, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 148/QĐ-TTg ban hành Bộ tiêu chí và quy định đánh giá, phân hạng sản phẩm Chương trình mỗi xã một sản phẩm.



**Nguyên
tắc của
chương
trình**

**Hành động địa phương hướng đến
toàn cầu**

Nhằm khuyến khích phát triển các sản phẩm vừa mang đặc thù địa phương, vừa phù hợp tiêu chuẩn và thị hiếu của người tiêu dùng ở cấp độ toàn cầu.

Tự lực, tự tin và sáng tạo

Nguyên tắc này đề cao tính tự lực của cộng đồng địa phương và quan điểm hỗ trợ của chính quyền địa phương.

Đào tạo nguồn nhân lực

Nguyên tắc này nhấn mạnh vào việc phát triển nguồn nhân lực tại địa phương. Có thể nói đây là nguyên tắc cơ bản ban đầu của chương trình OCOP.

**Xây dựng sản phẩm OCOP
gồm những bước nào?**

(1) Tuyên truyền hướng dẫn về triển khai OCOP

(2) Nhận đăng ký ý tưởng sản phẩm

(3) Nhận phương án, dự án sản xuất, kinh doanh

(4) Triển khai phương án, dự án sản xuất, kinh doanh

(5) Đánh giá và xếp hạng sản phẩm

(6) Xúc tiến thương mại.

4.2. Sản phẩm OCOP, tiêu chuẩn sản phẩm, phân loại sản phẩm OCOP

(1) Sản phẩm OCOP là gì?

Là các sản phẩm hàng hóa và dịch vụ xuất phát từ ý tưởng/nguồn nguyên liệu/công nghệ của cộng đồng, do các thành viên trong cộng đồng tổ chức sản xuất và kinh doanh.

Các sản phẩm OCOP không đơn thuần là sản phẩm ngành nông nghiệp, mà còn thuộc lĩnh vực của các ngành khác, như Công thương (thủ công mỹ nghệ), Y tế (thảo dược), Văn hóa - Thể thao - Du lịch (dịch vụ du lịch).

(2) Tiêu chuẩn sản phẩm OCOP (ưu tiên theo 3 tiêu chí cơ bản)

1) Các đặc sản địa phương;

2) Có gia tăng giá trị;

3) Không ảnh hưởng xấu đến môi trường.

Các tiêu chí này được xây dựng nhằm thực hiện chiến lược khác biệt hóa (tiêu chí 1), bảo đảm khả năng cạnh tranh; góp phần thực hiện việc chuyển nền kinh tế Việt Nam từ chiều rộng sang chiều sâu (tiêu chí 2) và phát triển bền vững (tiêu chí 3).

(3) Phân loại sản phẩm OCOP

Thực phẩm

Đồ uống

**Dược liệu và
sản phẩm làm
từ dược liệu**

**Thủ công
mỹ nghệ**

Sinh vật cảnh

**Dịch vụ Du lịch
cộng đồng và
Du lịch sinh thái**

4.3. Tiêu chí, trình tự đánh giá sản phẩm OCOP

Bộ tiêu chí đánh giá và phân hạng sản phẩm được thực hiện theo Quyết định số 148/ QĐ –TTg, ngày 24 tháng 02 năm 2023, về việc ban hành Bộ tiêu chí và quy trình đánh giá, phân hạng sản phẩm chương trình mỗi xã một sản phẩm.

(1) Nội dung bộ tiêu chí gồm 3 phần:

Phần A: 40 điểm; Phần B: 25 điểm; Phần C: 35 điểm.

Các nội dung chính của các phần cụ thể như sau:

Phần A:

Các tiêu chí đánh giá sản phẩm và sức mạnh cộng đồng gồm:

- 1) Tổ chức sản xuất
- 2) Phát triển sản phẩm
- 3) Sức mạnh của cộng đồng.

Phần B:

Các tiêu chí đánh giá khả năng tiếp thị, gồm:

- 1) Hoạt động tiếp thị.
- 2) Câu chuyện về sản phẩm

Phần C: Các tiêu chí đánh giá chất lượng sản phẩm, gồm:

- 1) Các kiểm tra/phân tích tiêu chuẩn (định tính, định lượng) theo yêu cầu của loại sản phẩm.
- 2) Cơ hội tiếp thị toàn cầu, theo hướng khuyến khích các sản phẩm tiếp cận chất lượng quốc tế/toàn cầu hóa.

(2) Quy trình đánh giá sản phẩm OCOP

* Quy trình đánh giá, phân hạng cấp xã

UBND cấp xã tổ chức đánh giá một số nội dung sau: nguồn gốc sản phẩm/nguyên liệu địa phương; sử dụng lao động địa phương; nguồn gốc ý tưởng sản phẩm; bản sắc/trí tuệ địa phương.

Căn cứ vào điều kiện và đặc điểm thực tế của địa phương, Chủ tịch UBND cấp xã tổ chức họp với các bộ phận liên quan để lấy ý kiến về các nội dung đánh giá, sau đó ban hành Báo cáo đánh giá của UBND cấp xã về các tiêu chí trên.

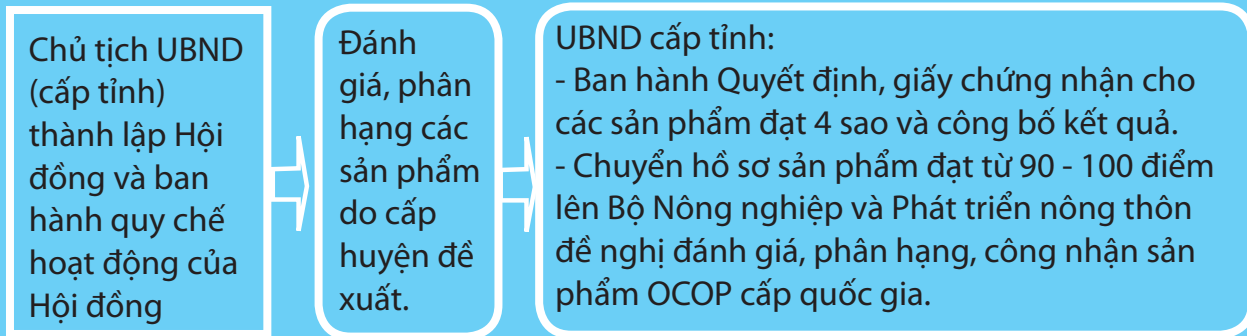
* Quy trình đánh giá, phân hạng cấp huyện

Chủ tịch UBND (cấp huyện) thành lập Hội đồng và ban hành quy chế hoạt động của Hội đồng.

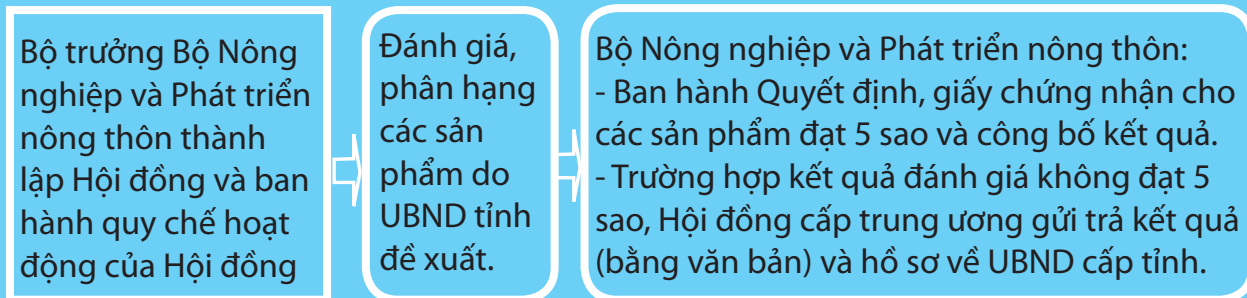
Đánh giá, phân hạng các sản phẩm.

UBND cấp huyện:
- Ban hành Quyết định, giấy chứng nhận cho các sản phẩm đạt 3 sao và công bố kết quả.
- Chuyển hồ sơ sản phẩm đạt từ 70 - 100 điểm (từ 4 sao trở lên) lên UBND tỉnh để đánh giá, phân hạng, công nhận sản phẩm OCOP.

*** Quy trình đánh giá, phân hạng sản phẩm tại cấp tỉnh:**



*** Quy trình đánh giá, phân hạng sản phẩm tại cấp trung ương**



- Giấy chứng nhận cho các sản phẩm OCOP đạt từ 3 đến 5 sao có giá trị trong thời hạn 36 tháng kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền ban hành.

(3) Phân hạng sản phẩm

Căn cứ vào kết quả đánh giá sản phẩm theo Bộ Tiêu chí. Tổng điểm đánh giá cho mỗi sản phẩm tối đa là 100 điểm và được phân thành 05 hạng:



Tổng điểm trung bình đạt từ 90 đến 100 điểm, là sản phẩm cấp quốc gia (5 sao), có thể xuất khẩu.



Tổng điểm trung bình đạt từ 70 đến 89 điểm, là sản phẩm cấp tỉnh (4 sao), có thể nâng cấp lên hạng 5 sao.



Tổng điểm trung bình đạt từ 50 đến 69 điểm, là sản phẩm cấp huyện (3 sao), đạt tiêu chuẩn, có thể nâng cấp lên hạng 4 sao.



Tổng điểm trung bình đạt từ 30 đến 49 điểm, sản phẩm chưa đạt tiêu chuẩn, có thể tiếp tục nâng cấp để nâng lên hạng 3 sao.



Tổng điểm trung bình đạt dưới 30 điểm, là sản phẩm khởi điểm tham gia Chương trình OCOP, có thể nâng cấp lên hạng 2 sao.

(4) Hồ sơ đánh giá sản phẩm OCOP

(*) Hồ sơ sản phẩm đăng ký tham gia đánh giá sản phẩm OCOP (Hồ sơ sản phẩm): Do các chủ thể OCOP (doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, chủ hộ sản xuất...) chuẩn bị, bao gồm:

- Phiếu đăng ký đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP (mẫu biểu số 1).
- Báo cáo của chủ thể đánh giá về sản phẩm theo Bộ tiêu chí (mẫu biểu số 2).

(*) Hồ sơ đề xuất đánh giá sản phẩm cấp huyện: Do các chủ thể OCOP chuẩn bị, bao gồm:

- Báo cáo đánh giá của UBND cấp xã về một số tiêu chí (theo quy định tại khoản a, mục 1 và biểu mẫu số 3).

(*) Hồ sơ đề xuất đánh giá sản phẩm cấp tỉnh: Do UBND cấp huyện chuẩn bị, bao gồm:

- Công văn gửi UBND cấp tỉnh đề nghị đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP.
- Tài liệu họp Hội đồng cấp huyện: Báo cáo thẩm định của Tổ tư vấn; Biên bản đánh giá của Hội đồng cấp huyện; Quyết định phê duyệt kết quả chấm điểm.
- Hồ sơ sản phẩm.

(*) Hồ sơ đề xuất đánh giá sản phẩm cấp quốc gia: Do UBND cấp tỉnh chuẩn bị, bao gồm:

- Công văn gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP.
- Tài liệu họp Hội đồng cấp tỉnh, bao gồm: Báo cáo thẩm định của Tổ tư vấn; Biên bản đánh giá của Hội đồng cấp tỉnh; Quyết định phê duyệt kết quả chấm điểm.
- Hồ sơ sản phẩm.
- Các văn bản xác nhận kiểm tra, kiểm nghiệm bổ sung của cấp tỉnh (nếu có).

Ghi chú: Các biểu mẫu 1,2,3 được lấy tại tiểu mục 3 Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 148/QĐ-TTg năm 2023 có quy định về hồ sơ đánh giá sản phẩm OCOP.



4.4. Hội Nông dân Việt Nam tham gia thực hiện Chương trình OCOP

* Vai trò của Hội Nông dân Việt Nam



(1) **Tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cán bộ, hội viên, nông dân:** Hội Nông dân các cấp cần có nhiều biện pháp, phương thức đẩy mạnh tuyên truyền về mục tiêu, ý nghĩa, nội dung chương trình OCOP đến cán bộ, hội viên, nông dân, thông qua sinh hoạt chi hội, tổ hội, câu lạc bộ nông dân, hội nghị, hội thảo, tập huấn, các kênh thông tin truyền thông từ Trung ương đến cơ sở. Trong đó tập trung tuyên truyền về quy trình, quy định, tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá sản phẩm OCOP.

(2) Tăng cường hướng dẫn, vận động, tư vấn, hỗ trợ cán bộ, hội viên nông dân xây dựng sản phẩm OCOP.

- Tập trung hướng dẫn, vận động hội viên nông dân sản xuất an toàn, đồng thời hướng dẫn các tổ chức, cá nhân lựa chọn ý tưởng sản phẩm, đăng ký sản phẩm tham gia chương trình. Xây dựng các mô hình nông dân liên kết, hợp tác trong sản xuất kinh doanh thông qua các THT, HTX gắn với xây dựng, thành lập mô hình chi Hội Nông dân nghề nghiệp, Tổ Hội Nông dân nghề nghiệp để xây dựng và phát triển sản phẩm OCOP.

- Tăng cường hỗ trợ hội viên nông dân nâng cao trình độ trong xây dựng và phát triển sản phẩm OCOP thông qua tập huấn, hướng dẫn xây dựng các mô hình theo hướng sản xuất hàng hoá hữu cơ, đảm bảo an toàn thực phẩm; hỗ trợ hội viên nông dân tiếp cận các nguồn vốn; chuyển giao ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật - công nghệ mới; Hỗ trợ nông dân chuyển đổi số trong sản xuất, kinh doanh, triển khai các ứng dụng công nghệ trong việc sản xuất, chế biến, quảng bá và tiêu thụ nông sản.

(3) Thực hiện có hiệu quả phong trào nông dân thi đua sản xuất, kinh doanh giỏi.

Triển khai phong trào trong đó tập trung hướng dẫn, tuyên truyền, vận động nông dân sản xuất nông sản an toàn gắn với sản vật đặc trưng, sản phẩm OCOP. Vận động các hộ sản xuất giỏi mở rộng quy mô sản xuất theo mô hình trang trại, gia trại.

*** Vai trò của cán bộ, hội viên, nông dân**

- Chủ động tiếp cận và nhận thức sâu sắc ý nghĩa, tầm quan trọng, nội dung, phương pháp tổ chức thực hiện chương trình OCOP.

- Tích cực tham gia phong trào nông dân thi đua sản xuất, kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững.

- Phát huy vai trò chủ thể trong tuyên truyền, sản xuất và quảng bá thương hiệu sản phẩm OCOP.

- gương mẫu tham gia các phong trào xây dựng nông thôn mới tại địa phương, đoàn thể mình; đồng thời vận động mọi người cùng tham gia.

- Tích cực học tập nâng cao trình độ về mọi mặt để khởi nghiệp sáng tạo, chuyển đổi số thông qua các sản phẩm OCOP.

Kinh nghiệm của Nhật Bản và Thái Lan

Kinh nghiệm của Nhật Bản

Một trong những nguyên nhân chủ yếu dẫn đến những thành công của Phong trào “Mỗi làng, một sản phẩm” của Nhật Bản chính là ngay từ ban đầu các nhà lãnh đạo đã đưa ra được ba nguyên tắc cơ bản làm chỗ dựa, là kim chỉ nam cho mọi hoạt động tiếp theo. Ba nguyên tắc đó là “Địa phương hướng đến toàn cầu”, “Độc lập và sáng tạo” và “Đào tạo nguồn nhân lực”. Hầu hết các quốc gia khi triển khai phong trào cho dù có tên gọi khác nhau nhưng đều vận dụng sáng tạo trên nền tảng của 3 nguyên tắc này.

Kinh nghiệm của Thái Lan

Khác với Nhật Bản, phong trào “Mỗi làng, một sản phẩm” ở Thái Lan được đề xuất bởi người đứng đầu chính phủ, vì vậy nó được nâng lên thành một chương trình và hoạt động có bài bản hơn. Chương trình có bộ máy quản lý từ Trung ương đến địa phương. Chương trình được thực hiện theo một chu trình rất bài bản và các sản phẩm tham gia chương trình được chia thành sáu nhóm nên rất thuận lợi cho việc tổ chức quản lý và quảng bá, xúc tiến thương mại.

Tài liệu tham khảo:

1. Sổ tay hướng dẫn phát triển cộng đồng – Tài liệu do Cơ quan Hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA) hỗ trợ xuất bản (2016). NXB Thanh Niên.
2. Phát triển cộng đồng – Lý thuyết và vận dụng. Tô Duy Hợp, Lương Hồng Quang (2012). NXB Văn hóa - Thông tin.
3. Start up trong thời kỳ bình thường mới. Lê Quý Trung (2021). NXB Trẻ.
4. Tài liệu tham khảo về hỗ trợ khởi nghiệp, tập 1 dành cho cán bộ hỗ trợ khởi nghiệp. Bộ Giáo dục và Đào tạo.
5. Đề án số 03-ĐA/HNDTW ngày 12/7/2020 của Trung ương Hội Nông dân Việt Nam về “Nâng cao vai trò của Hội Nông dân Việt Nam trong việc hỗ trợ nông dân khởi nghiệp sáng tạo, giai đoạn 2020-2025”.
6. Quyết định số 844 ngày 18/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025”.
7. Website: <https://khoinghiempquocgia.vn/>. Bộ GDĐT- khởi nghiệp cho học sinh, sinh viên
8. Website: <https://quocgiakhoinghiemp.vn/>. Đề án hỗ trợ khởi nghiệp của chính phủ.
9. Quyết định số 749/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”, ngày 03/6/2020.
10. Cẩm nang chuyển đổi số - Bộ Thông tin và Truyền thông - 2021.
11. Chuyển đổi số trong nông nghiệp để liên kết sản xuất với tiêu thụ sản phẩm. Nguyễn Văn Sơn (2022). Tạp chí Quản lý Nhà nước.
12. Bộ tài liệu Đào tạo Chương trình mỗi xã một sản phẩm (2019). Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
13. Quyết định số 490/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, ngày 07/5/2018 về Phê duyệt Chương trình mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2018 – 2020.
14. Quyết định số 919/QĐ- TTg của Thủ tướng Chính phủ, ngày 01/8/2022 về việc phê duyệt Chương trình mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2021 - 2025;
15. Quyết định số 148/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, ngày 24/02/2023 Về việc ban hành Bộ tiêu chí và quy định đánh giá, phân hạng sản phẩm Chương trình mỗi xã một sản phẩm.

GIỚI THIỆU

Nhà tài trợ của Dự án Nâng cao nhận thức và năng lực cho cán bộ, hội viên, nông dân về khởi nghiệp sáng tạo, chuyển đổi số, tích cực tham gia chương trình OCOP tại địa phương:

Quỹ Môi trường toàn cầu (GEF) được thành lập năm 1991, là một cơ chế tài chính hỗ trợ các nước đang phát triển giải quyết những vấn đề môi trường cấp bách nhất hành tinh, bao gồm mất đa dạng sinh học, biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường, và suy thoái đất và đại dương. Trong ba thập kỷ qua, GEF đã tài trợ hơn 24 tỷ USD và huy động 138 tỷ USD đồng tài trợ cho 5.700 dự án cấp quốc gia và khu vực. GEF cũng là đối tác quốc tế của 183 quốc gia, các tổ chức quốc tế, tổ chức xã hội dân sự và khu vực tư nhân để giải quyết các vấn đề môi trường toàn cầu.

Chương trình tài trợ các dự án nhỏ (SGP) do Quỹ Môi trường toàn cầu (GEF) tài trợ và do Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc khởi xướng và thực hiện từ năm 1992 tại 125 nước nhằm hỗ trợ các hành động, sáng kiến cấp cơ sở góp phần giải quyết các vấn đề môi trường toàn cầu. SGP hỗ trợ kỹ thuật và tài trợ trực tiếp cho các tổ chức xã hội, các tổ chức cộng đồng, với khoản tài trợ khoảng 50.000 USD để thực hiện các sáng kiến cộng đồng. Các lĩnh vực tài trợ bao gồm bảo tồn đa dạng sinh học và sử dụng bền vững, thích ứng và giảm thiểu biến đổi khí hậu, bảo vệ các vùng nước quốc tế, quản lý chất thải và hóa chất khó phân hủy và quản lý đất bền vững. SGP đã triển khai ở Việt Nam từ năm 1999 với hơn 170 dự án trên 43 tỉnh, thành của cả nước.

Liên hệ:

VĂN PHÒNG ĐIỀU PHỐI CHƯƠNG TRÌNH TÀI TRỢ CÁC DỰ ÁN NHỎ

Địa chỉ: Tòa nhà Xanh Liên Hợp Quốc, 304 Kim Mã, quận Ba Đình, Hà Nội

Email: gef-sgp-vietnam@undp.org